

Số: **609/2022/QĐST-HNGĐ**

*Hà Đông, ngày 23 tháng 8 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 611/2022/TLST-VHNGĐ ngày 10/8/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- **Chị Nguyễn Thị Phương T**; sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: TDP X, phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thửa đất số Y, tờ bản đồ 02 L, phường N, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- **Anh Nguyễn Danh H**; sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: TDP X, phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thửa đất số Y, tờ bản đồ 02 L, phường N, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ngày 15/8/2022, Tòa án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Danh H nhưng kết quả hòa giải đoàn tụ không thành. Chị T và anh H không đồng ý về đoàn tụ, hai bên thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận với nhau về các nội dung: tài sản, vay nợ, nuôi con và nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc dân sự như được ghi nhận tại

Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 15/8/2022, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Danh H cùng xác nhận kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2006 tại UBND Đ, huyện Từ Liêm (nay là UBND phường Đ, quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn, anh chị chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại địa chỉ: TDP X, phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Đến năm 2020 thì chuyển về sinh sống và đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Thửa đất số Y, tờ bản đồ 02 L, phường N, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội cho đến nay. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm. Mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục. Từ năm 2021 đến nay, anh chị tuy sống cùng nhà nhưng mỗi người một cuộc sống, không quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay chị T và anh H cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh H cùng xác nhận có ba con chung là: Nguyễn Minh Q, sinh ngày 29/8/2007; Nguyễn Minh G, sinh ngày 04/02/2012 và Nguyễn Hải L, sinh ngày 08/4/2019. Hiện nay cả ba con chung đều khỏe mạnh. Chị T và anh H thỏa thuận sau khi ly hôn, chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả ba con chung cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh H thỏa thuận mỗi tháng anh H cấp dưỡng nuôi cả ba con chung với số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác về mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Danh H cùng xác nhận không có, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng (bao gồm động sản và bất động sản): Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Danh H cùng xác nhận không có, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Danh H cùng xác nhận không vay nợ ai chung và cũng không cho ai vay nợ chung, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Danh H thỏa thuận do chị T chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[2] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của chị T và anh H được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 15/8/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Danh H cùng xác nhận mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Danh H cùng xác nhận có ba con chung là: Nguyễn Minh Q, sinh ngày 29/8/2007; Nguyễn Minh G, sinh ngày 04/02/2012 và Nguyễn Hải L, sinh ngày 08/4/2019. Hiện nay cả ba con chung đều khỏe mạnh. Chị T và anh H thỏa thuận sau khi ly hôn, chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả ba con chung cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh H thỏa thuận mỗi tháng anh H cấp dưỡng nuôi cả ba con chung với số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác về mức cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Danh H cùng xác nhận không có, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.4. Về tài sản riêng (bao gồm động sản và bất động sản): Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Danh H cùng xác nhận không có, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.5. Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Danh H cùng xác nhận không vay nợ ai chung và cũng không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.6. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Danh H thỏa thuận chị T chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010447 ngày 10/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**\* Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Hà Đông;
- UBND phường Đ, quận Bắc Từ Liêm (số 197 quyền số 01/2006 ngày 15/11/2006);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Phương Thủy**